

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017



Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings

Tầng 4, Tòa tháp A, Tòa nhà Sky City, Số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần 7 vào ngày 21/03/2017.

Vốn điều lệ của Công ty là 313.010.600.000 VND (Ba trăm mười ba tỷ không trăm mười triệu sáu trăm nghìn đồng).

Công ty có công ty liên kết sau:

Tên công ty	Số vốn thực góp (VND)	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	323.500.000.000	34%

2. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các thành viên như sau :

Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ tịch HĐQT	03/01/2017	
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên HĐQT	01/01/2017	
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên HĐQT	26/03/2016	
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Thành viên HĐQT	01/01/2017	
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	01/01/2017	
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên HĐQT	01/01/2017	
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên HĐQT	01/01/2017	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các thành viên như sau:

Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc	27/03/2016	
Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng giám đốc	30/02/2012	
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng	01/01/2017	

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các thành viên như sau :

Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phạm Thị Thanh Thọ	Trưởng ban kiểm soát	03/01/2017	
Bà Đỗ Thị Nhâm	Thành viên	01/01/2017	
Bà Kiều Thị Ngoan	Thành viên	01/01/2017	08/03/2017

3. Trụ sở

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, Tòa tháp A, Tòa nhà Sky City, Số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Tầng 4, Tòa tháp A, Tòa nhà Sky City, Số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 03 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 03 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017 đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017 và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng giám đốc



Vũ Cẩm La Hương
Tổng giám đốc

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần 7 vào ngày 21/03/2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, Tòa tháp A, Tòa nhà Sky City, Số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 313.010.600.000 VND (Ba trăm mười ba tỷ không trăm mười triệu sáu trăm nghìn đồng).

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Tư vấn quản trị doanh nghiệp, đầu tư tài chính, kinh doanh thương mại.

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Đại lý, môi giới, đầu giá
Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu
Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
Chi tiết: Tư vấn du học;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Giáo dục văn hóa nghệ thuật;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu
Chi tiết: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
Chi tiết: Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Kinh doanh bất động sản; quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại; Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: không

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53//2016/TT-

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017

BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán****2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**a) Chứng khoán kinh doanh:**

Chứng khoán kinh doanh của Công ty bao gồm: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán, các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí, lệ phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể: Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0), chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Cuối niên độ kế toán, thực hiện lập sự phòng giảm giá nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

c) Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được phản ánh theo khế ước cho vay giữa Công ty với các đối tượng vay không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào công ty con:

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

d) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

f) Lập dự phòng đầu tư tài chính

Dự phòng đầu tư tài chính là dự phòng lập theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-55 năm
- Máy móc, thiết bị	03-08 năm
- Phương tiện vận tải	05-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-05 năm

b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Chi phí thuê văn phòng có giá trị lớn.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:
Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
DN**

Mẫu số B 09 -

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Công cụ tài chính**a) Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

23. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017 được trình bày ở thuyết minh số VIII.4.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		13 683 272 530	42 725 423 887
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	6 227 675 928	2 225 444 575
1. Tiền	111		6 227 675 928	2 225 444 575
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh(*) (2)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
3A. Tiền gửi có kỳ hạn	123A			
3B. Đầu tư ngắn hạn khác	123B			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7 365 252 668	40 466 751 667
1. Phải thu của khách hàng	131	V.04	7 192 020 000	
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	135 781 001	40 000 000 000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Các khoản phải thu khác	136	V.05	37 451 667	466 751 667
- Các khoản phải thu khác từ cổ phần hóa	136A			
- Các khoản phải thu từ cán bộ công nhân	136B		10 000 000	73 000 000
- Các khoản phải thu khác	136D		27 451 667	393 751 667
- Các khoản phải thu khác từ ký quỹ, ký cược	136C			
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiế chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.06	90 343 934	33 227 645
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		90 343 934	33 227 645
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+230+240+250+260)	200		324 764 717 424	284 853 700 000
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214			
5. Phải thu cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
9. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
II. Tài sản cố định	220	V.07	665 617 424	
1. TSCĐ hữu hình	221		665 617 424	
- Nguyên giá	222		714 272 723	36 999 996
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		- 48 655 299	- 36 999 996
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. TSCĐ vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. CP sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. CP xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	324 099 100 000	284 853 700 000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		323 500 000 000	284 000 000 000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		599 100 000	853 700 000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	263			
- Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	263A			
- Dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	263B			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		338 447 989 954	327 579 123 887
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		5 065 845 674	3 002 518 673
I. Nợ ngắn hạn	310		5 065 845 674	3 002 518 673
1. Phải trả người bán	311	V.09	366 460 000	3 000 000
2. Người mua trả tiền trước	312	V.10		50 000 000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	3 287 673 346	2 785 479 887
4. Phải trả người lao động	314		99 000 000	
5. Chi phí phải trả	315			
6. Phải trả nội bộ	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	162 712 328	164 038 786
10. Vay và nợ thuê TC ngắn hạn	320	V.08	1 150 000 000	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322			
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn khác	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
12. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343			
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		333 382 144 280	324 576 605 214
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	333 382 144 280	324 576 605 214
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		313 010 600 000	313 010 600 000
A. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		313 010 600 000	313 010 600 000
B. Cổ phiếu ưu đãi	411B			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ dự hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		20 371 544 280	11 566 005 214
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tscđ	432			
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		338 447 989 954	327 579 123 887

Ngày 18 tháng 4 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)


Nguyễn Thị Hào

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)


Nguyễn Mạnh Phú

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2017	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	12 038 200 000	14 349 170 340
2. Các khoản giảm trừ	2			
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01- 02)	10		12 038 200 000	14 349 170 340
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02		13 787 010 440
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	20		12 038 200 000	562 159 900
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1 318 541	15 792 617 612
7. Chi phí tài chính	22	VI.04		302 907 199
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.07	1 032 594 709	1 295 488 654
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		11 006 923 832	14 756 381 659
11. Thu nhập khác	31	VI.05		333 000 000
12. Chi phí khác	32	VI.06		333 000 013
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			- 13
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	VI.09	11 006 923 832	14 756 381 646
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	2 201 384 766	2 891 501 303
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60	VI.09	8 805 539 066	11 864 880 343
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

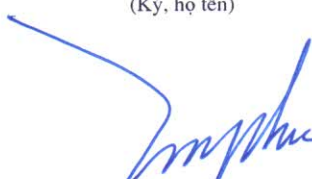
NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)


Nguyễn Thị Hải

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)


Nguyễn Mạnh Phú

Ngày 18 tháng 4 năm 2017

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên)


TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Cẩm La Hương



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ ngày: 01/01/2017 đến ngày: 31/03/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		6 000 000 000	15 594 087 365
1A. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01A		6 000 000 000	15 594 087 365
1B. Trả lại tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01B			
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		- 397 271 143	- 53 101 107 873
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		- 234 509 700	- 527 270 000
3A. Tiền chi trả cho người lao động	03A		- 297 883 567	- 582 330 000
3B. Tiền thu từ người lao động	03B		63 373 867	55 060 000
4 Tiền chi trả lãi	4			- 145 764 995
4A. Tiền chi trả lãi	04A			- 146 701 844
4B. Thu lại tiền trả lãi	04B			936 849
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		- 2 785 230 592	- 106 270 711
6. Tiền thu khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	6		3 298 541	23 088 759 945
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	7		- 42 435 753	- 22 621 881 297
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD	20		2 543 851 353	- 37 819 447 566
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		- 812 520 000	
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		366 300 000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			- 3 006 150 000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		40 000 000 000	3 322 150 000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		- 39 500 000 000	- 314 639 091 000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		254 600 000	44 122 217 000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		308 380 000	- 270 200 874 000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			250 000 000 000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại c/phiếu đã p/hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1 150 000 000	46 245 814 135
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			- 47 652 097 914
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1 150 000 000	248 593 716 221
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		4 002 231 353	- 59 426 605 345
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2 225 444 575	30 694 690 503
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		6 227 675 928	2 225 444 575

NGƯỜI LẬP BIỂU
(KÝ, HỌ TÊN)

Nguyễn Thị Hào
Nguyễn Thị Hào

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(KÝ, HỌ TÊN)

Nguyễn Mạnh Phú
Nguyễn Mạnh Phú

Ngày 4 tháng 4 năm 2017

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(KÝ, HỌ TÊN)



Vũ Cẩm La Hương
Vũ Cẩm La Hương

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS
Tầng 4, Tháp A, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

Mẫu số B 09 - DN

V. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đầu kỳ	Cuối kỳ
Tiền mặt	171.923.739	53.064.783
Tiền gửi ngân hàng	2.053.520.836	6.174.611.145
- Tiền gửi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành	5.948.620	15.944.820
- Tiền gửi Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Thành Công	982.198	786.934
- Tiền gửi Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Thăng Long	2.468	2.468
- Tài khoản Magin tại MBS	519	519
- Tài khoản chứng khoán MA	963.259	964.477
- Tài khoản online	6	6
- Tài khoản giao dịch tiền tại chứng khoán Apec	213.881	213.881
- Tài khoản tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong (Số TK 88881976010)	2.044.256.658	1.501.105.771
- Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong (Số TK 88881976001)	1.153.227	4.654.592.161
- Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà		1.000.108
Các khoản tương đương tiền		
Cộng	2.225.444.575	6.227.675.928

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- a) Chứng khoán kinh doanh
 b) Đầu tư dài hạn khác
 c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Đầu kỳ	Cuối kỳ
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
- Đầu tư vào công ty liên kết	284.000.000.000	323.500.000.000
+ Công ty CP Anh ngữ Apax	284.000.000.000	323.500.000.000
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	853.700.000	599.100.000
+ Các đơn vị khác (1)	853.700.000	599.100.000
Tổng	284.853.700.000	324.099.100.000

(1): Các khoản đầu tư khác là khoản đầu tư góp vốn vào ba (03) Công ty là đơn vị cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, chi tiết: Công ty Cổ phần May Nam Định: 12.000 cổ phiếu; Công ty Cổ phần Xi măng X18: 12.510 cổ phiếu; Công ty CP Đầu tư Xây lắp Tây Hà: 10.000 cổ phiếu.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS
Tầng 4, Tháp A, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	-	-	36.999.996	-	-	36.999.996
Tăng trong kỳ	-	-	677.272.727	-	-	677.272.727
- Mua trong kỳ	-	-	677.272.727	-	-	677.272.727
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	714.272.723	-	-	714.272.723
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	-	-	36.999.996	-	-	36.999.996
Tăng trong kỳ	-	-	11.655.303	-	-	11.655.303
- Số khấu hao trong kỳ	-	-	11.655.303	-	-	11.655.303
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	48.655.299	-	-	48.655.299
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	665.617.424	-	-	665.617.424

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, Tháp A, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

8. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

	Đầu kỳ		Trong kỳ		Cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	-	-	1.150.000.000	-	1.150.000.000	1.150.000.000
Ông Trần Thanh Hải (1)	-	-	1.150.000.000	-	1.150.000.000	1.150.000.000
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	-	1.150.000.000	-	1.150.000.000	1.150.000.000

(1) là khoản vay Ông Trần Thanh Hải theo Hợp đồng vay vốn số 02-02/2017/TTTHAI-IBC ngày 02/02/2017, số tiền 1.150.000.000 VND (Một tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 01 năm từ ngày 02/02/2017 đến ngày 02/02/2018, với lãi suất 5%/365 ngày.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Đầu kỳ		Cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn			0	0
- Công ty TNHH PKF Việt Nam	3.000.000	3.000.000		
- Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	-	-	100.000	100.000
- Công ty Cổ phần Giải pháp công thông tin	-	-	36.360.000	36.360.000
- Công ty Cổ phần quản lý tài sản Dzambala	-	-	330.000.000	330.000.000
Cộng	3.000.000	3.000.000	366.460.000	366.460.000
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Phải trả người bán là các bên liên quan				

10 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Đầu kỳ	Cuối kỳ
- Công ty Cổ phần Hồng Hạc Đại Lợi	50.000.000	-
Cộng	50.000.000	-

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT	249.295	1.203.820.000	117.780.715	1.086.288.580
- Thuế TNDN	2.785.230.592	2.201.384.766	2.785.230.592	2.201.384.766
- Các loại thuế khác	-	5.500.000	5.500.000	-
Tổng	2.785.479.887	3.410.704.766	2.908.511.307	3.287.673.346

b) Phải thu

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đầu kỳ	Cuối kỳ
a) Ngắn hạn	164.038.786	162.712.328
- Lãi vay phải trả Egroup	6.712.328	6.712.328
- Phải trả, phải nộp khác	157.326.458	156.000.000
Cộng	164.038.786	162.712.328
- Phải trả người lao động:	-	99.000.000
b) Dài hạn	-	-
c) Phải trả khác là các bên liên quan		
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	6.712.328	6.712.328

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác của chủ sở hữu	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	63.010.600.000	-	(298.875.129)	-	62.711.724.871
Tăng vốn năm trước	250.000.000.000				250.000.000.000
Lãi trong năm trước			11.864.880.343		11.864.880.343
Tăng khác	-				-
Giảm khác					-
Số dư đầu năm nay	313.010.600.000	-	11.566.005.214	-	324.576.605.214
Tăng vốn trong kỳ	-				-
Lãi trong kỳ			8.805.539.066		8.805.539.066
Tăng khác					-

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, Tháp A, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

Giám khác

Số dư cuối kỳ

313.010.600.000

-

20.371.544.280

-

333.382.144.280

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Đầu kỳ	Cuối kỳ
- Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	79,9%	250.000.000.000	250.000.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	20,1%	63.010.600.000	63.010.600.000
Cộng	100%	313.010.600.000	313.010.600.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Kỳ này	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	313.010.600.000	63.010.600.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	250.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	313.010.600.000	313.010.600.000

d) Cổ phiếu	Đầu kỳ	Cuối kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.301.060	31.301.060
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.301.060	31.301.060
- Cổ phiếu phổ thông	31.301.060	31.301.060
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.301.060	31.301.060
- Cổ phiếu phổ thông	31.301.060	31.301.060
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đồng	10.000 đồng
* Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	6.369.366	
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.862,8	

đ) Cổ tức

e) Các quỹ của doanh nghiệp

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

VI . Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm trước	Quý I/2017
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	12.038.200.000
- Doanh thu bán hàng hóa	14.349.170.340	-
Cộng	14.349.170.340	12.038.200.000

2 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm trước	Quý I/2017
- Giá vốn hàng hóa	13.787.010.440	-
Cộng	13.787.010.440	-

3 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm trước	Quý I/2017
Lãi tiền gửi, cho vay	44.972.612	1.318.541
Lãi bán các khoản đầu tư	15.583.000.000	-
Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	100.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	64.645.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	15.792.617.612	1.318.541

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

	Năm trước	Kỳ này
4 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Lãi tiền vay	26.389.234	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	98.874.000	-
Chi phí tài chính khác	177.643.965	-
Cộng	302.907.199	-
5 . THU NHẬP KHÁC	Năm trước	Quý I/2017
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	333.000.000	-
Cộng	333.000.000	-
6 . CHI PHÍ KHÁC	Năm trước	Quý I/2017
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	333.000.004	-
- Các khoản khác	9	-
Cộng	333.000.013	-
7 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Năm trước	Quý I/2017
Chi phí nhân công	600.910.583	259.084.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.999.996	15.920.833
Chi phí dịch vụ mua ngoài	447.986.171	428.069.010
Chi phí bằng tiền khác	209.591.904	329.520.866
Cộng	1.295.488.654	1.032.594.709
8 . CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ	Năm trước	Quý I/2017
Chi phí nhân công	600.910.583	259.084.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.999.996	15.920.833
Chi phí dịch vụ mua ngoài	432.583.237	428.069.010
Chi phí bằng tiền khác	208.658.305	329.520.866
Cộng	1.279.152.121	1.032.594.709
9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Năm trước	Quý I/2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.756.381.646	11.006.923.832
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
Số lỗ được chuyển từ năm trước	298.875.129	-
Tổng thu nhập tính thuế	14.457.506.517	11.006.923.832
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	2.891.501.303	2.201.384.766
Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.864.880.343	8.805.539.066

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1 . Các sự kiện quan trọng trong năm và những thông tin tài chính khác**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

3 . Công cụ tài chính

3.1 Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

3.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tài chính

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Đầu kỳ	Cuối kỳ
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	2.053.520.836	6.174.611.145
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	284.853.700.000	324.099.100.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	466.751.667	37.451.667

3.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 1 trở lên (VND)	Cộng
Số đầu kỳ			
▪ Các khoản vay	-	-	-
▪ Phải trả người bán	3.000.000	-	3.000.000
▪ Chi phí phải trả	-	33.227.645	33.227.645
▪ Phải trả khác	164.038.786	-	164.038.786
Số cuối kỳ			
▪ Các khoản vay	1.150.000.000	-	1.150.000.000
▪ Phải trả người bán	366.460.000	-	366.460.000
▪ Chi phí phải trả	-	90.343.934	90.343.934
▪ Phải trả khác	162.712.328	-	162.712.328

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn

3.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

4. Thông tin về các bên liên quan

a) Các bên liên quan

Ông Trần Thanh Hải

Mối quan hệ

Phó Tổng giám đốc

Giao dịch với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong quý I năm 2017 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị giao dịch
Ông Trần Thanh Hải	Ông Hải cho Công ty vay	1.150.000.000

b) Thù lao chi trả

Họ và tên

Chức vụ

Quý I/2017

		VND
Nguyễn Ngọc Thùy	Chủ tịch HĐQT	15.000.000
Vũ Cẩm La Hương	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	12.000.000
Trần Thanh Hải	Thành viên HĐQT, Phó TGD	12.000.000
Nguyễn Mạnh Phú	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	12.000.000
Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	12.000.000
Nguyễn Thị Dung	Thành viên HĐQT	12.000.000
Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên HĐQT	12.000.000
Phạm Thị Thanh Thọ	Trưởng BKS	6.000.000
Đỗ Thị Nhân	Thành viên BKS	3.000.000
Kiều Thị Ngoan	Thành viên BKS	3.000.000
Tổng cộng		99.000.000

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập



Nguyễn Thị Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Phú

Tổng giám đốc



Vũ Cẩm La Hương